

**NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: triệu VND

A - TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý</b>	V.1	697.867	519.751
<b>II. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước</b>	V.2	2.128.951	1.852.903
<b>III. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác</b>	V.3	8.810.100	5.399.327
1. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	V.3	8.670.000	5.399.327
2. Cho vay các TCTD khác	V.3	140.100	-
3. Dự phòng rủi ro		-	-
<b>IV. Chứng khoán kinh doanh</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
2. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		-	-
<b>V. Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>	V.4	7.682	987
<b>VI. Cho vay khách hàng</b>		30.761.015	29.216.772
1. Cho vay khách hàng	V.5	31.037.412	29.471.994
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.6	(276.397)	(255.222)
<b>VII. Hoạt động mua nợ</b>		-	-
1. Mua nợ		-	-
2. Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		-	-
<b>VIII. Chứng khoán đầu tư</b>	V.7	1.373.113	1.460.500
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		-	-
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	V.7	1.467.589	1.553.963
3. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	V.7	(94.476)	(93.463)
<b>IX. Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>		14.521	14.521
1. Đầu tư vào công ty con		-	-
2. Vốn góp liên doanh		-	-
3. Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	V.8	14.521	14.521
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-
<b>X. Tài sản cố định</b>		1.536.038	1.487.690
1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	792.208	781.619
a. Nguyên giá tài sản cố định		1.037.257	999.961
b. Hao mòn tài sản cố định		(245.049)	(218.342)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
<b>XV. Nguyên giá tài sản cố định</b>		-	-
b. Hao mòn tài sản cố định		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	V.10	743.830	706.071
a. Nguyên giá tài sản cố định		802.992	759.323
b. Hao mòn tài sản cố định		(59.162)	(53.252)
<b>XI. Bất động sản đầu tư</b>	V.11	95.332	96.353
a. Nguyên giá bất động sản đầu tư		98.921	98.921
b. Hao mòn bất động sản đầu tư		(3.589)	(2.568)
<b>XII. Tài sản có khác</b>		2.245.798	2.260.999
1. Các khoản phải thu	V.12	245.441	317.959
2. Các khoản lãi, phí phải thu	V.13	1.547.055	1.561.344
3. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
4. Tài sản có khác	V.14	457.427	385.821
Trong đó: lợi thế thương mại		-	-
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản		(4.125)	(4.125)
<b>TỔNG TÀI SẢN CÓ</b>		<b>47.670.417</b>	<b>42.309.803</b>

**NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

<b>B - NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>I. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước</b>		-	<b>255.545</b>
<b>II. Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>	<b>V.15</b>	<b>11.569.381</b>	<b>7.992.502</b>
1. Tiền gửi của các TCTD khác	V.15	10.824.400	7.829.594
2. Vay các TCTD khác	V.15	744.981	162.908
<b>III. Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>V.16</b>	<b>30.758.825</b>	<b>29.206.157</b>
<b>IV. Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác</b>		-	-
<b>V. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro</b>		-	-
<b>VI. Phát hành giấy tờ có giá</b>		<b>600.000</b>	<b>300.000</b>
<b>VII. Các khoản nợ khác</b>		<b>898.233</b>	<b>805.452</b>
1. Các khoản lãi, phí phải trả	V.17	632.781	548.930
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
3. Các khoản phải trả và công nợ khác	V.18	265.452	256.522
4. Dự phòng rủi ro khác (dự phòng cho công nợ tiềm ẩn)		-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>		<b>43.826.439</b>	<b>38.559.656</b>
<b>VIII. Vốn và các quỹ</b>	<b>V.19</b>	<b>3.843.978</b>	<b>3.750.147</b>
1. Vốn của TCTD		3.202.758	3.202.758
a. <i>Vốn điều lệ</i>	V.19	3.236.958	3.236.958
b. <i>Vốn đầu tư XD/CB</i>		-	-
c. <i>Thặng dư vốn cổ phần</i>		-	-
d. <i>Cổ phiếu quỹ</i>	V.19	(34.200)	(34.200)
e. <i>Cổ phiếu quỹ</i>		-	-
f. <i>Vốn khác</i>		-	-
2. Quỹ của TCTD	V.19, 20	252.963	226.639
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối/Lỗ lũy kế	V.19	388.257	320.750
6. Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>47.670.417</b>	<b>42.309.803</b>

**NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Bảo lãnh vay vốn		-	-
2. Cam kết giao dịch hối đoái		-	-
<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>		-	-
<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>		-	-
<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>		-	-
<i>Cam kết giao dịch tương lai</i>		-	-
3. Cam kết cho vay không hủy ngang		-	-
4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	VIII.4	4.496	44.351
5. Bảo lãnh khác	VIII.4	158.247	111.085
6. Các cam kết khác		-	-

Rạch Giá, ngày 10 tháng 8 năm 2019

Người lập

Thị Duyên  
Kế toán viên

Người kiểm soát

Phạm Thị Mỹ Chi  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt

Trần Tuấn Anh  
Tổng Giám đốc